**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Bán niên 2021)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb

Loại hình quỹ: Quỹ mở

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 30/06/2020 (VNĐ) | NAV ngày 30/06/2021 (VNĐ) |
| 106.012.733.310 | 110.305.485.761 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 4,05% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.068.272.100 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.006.827,21 |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.006.827,21CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.068.272.100 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** | **30/06/2019**  **(%)** |
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 1,19 | 0,25 | 40,11 |
| 1. Các khoản tương đương tiền | 0 | 11,29 | 0 |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 82,11 | 76,22 | 39,43 |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi | 13,56 | 9,41 | 19,71 |
| 1. Khác | 3,14 | 2,83 | 0,75 |
| Cộng | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2021** | **30/06/2020** | **30/06/2019** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ) | 110.305.485.761 | 106.012.733.310 | 101.063.414.836 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.006,827,21 | 10.058.831,58 | 10.051.088,93 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 11.023,02 | 10.539,27 | 10.054,97 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 11.023,02 | 10.539,27 | 10.054,97 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.805,78 | 10.276,01 | 9.997,36 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 4,58 | 4,82 | 0,57 |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 4,58 | 4,82 | 0,57 |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,06 | 2,09 | 2,91 |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 13,70 | 9,55 | 64,79 |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 4,59 | 4,59 |
| - 3 năm | 9,63 | 4,70 |
| - Từ khi thành lập | 10,23 | 4,44 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 19,69% (\*\*\*) | 6,37% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** | **30/06/2019**  **(%)** | **30/06/2018**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 4,58 | 4,82 | 0,57 | N/A |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

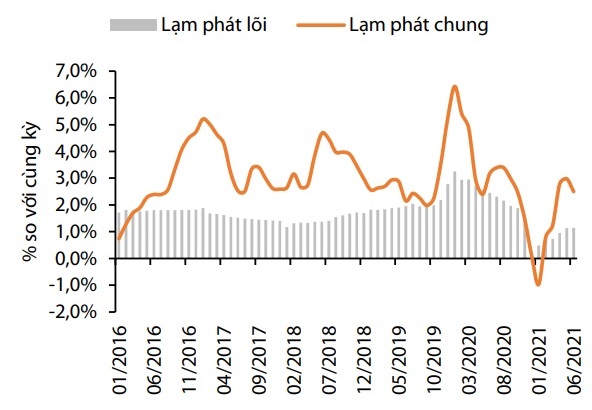
*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX tại thời điểm 30/06/2021.*

**III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Nền kinh tế quý 2/2021 chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19:** Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64% thấp hơn mục tiêu đề ra của chính phủ, và để đạt được mục tiêu tăng GDP 6,5% trong năm nay thì tăng trưởng 6 tháng cuối năm phải đạt trên 7,2%. 6 tháng đầu năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%. GDP được dự báo có thể được cải thiện trong Quý 3 ở mức khoảng 6,6-7% khi hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước dần được phục hồi.

**Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47%** so với bình quân cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức năm 2020 – 4,19%. Rủi ro lạm phát trong quý 2 đến từ giá lương thực, thực phẩm đặc biệt là giá thực phẩm có xu hướng tăng mạnh trong ngắn hạn do làn sóng tích trữ lương thực và sản lượng suy giảm ở đồng bằng sông Cửu Long. Giá dầu thô thế giới được dự báo sẽ tăng khoảng 30% trong năm 2021 và sự phục hồi của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tạo áp lực lên giá cả nhiều hàng hoá, dịch vụ trong thời gian tới.

****

**Về hoạt động sản xuất:** theo IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers’ Index - PMI) của Việt Nam đạt 44,1 trong tháng 6, giảm mạnh so với 53,1 trong tháng 5 và nằm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm lần đầu tiên trong năm tháng. Kết quả chỉ số thể hiện tình trạng kinh doanh suy giảm mạnh nhất trong hơn một năm và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 6 tháng. Rào cản lớn nhất cho việc phục hồi mạnh mẽ sắp tới là kết quả hoạt động của nền kinh tế thế giới, khi ảnh hưởng của virus vẫn đang lan rộng. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm, trong khi các công ty tiếp tục gặp khó khăn khi Việt Nam bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội.

**Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2021,** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng năm 2021 đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD. Tuy vậy, dự báo sẽ cán cân thương mại sẽ thặng dư khi số đơn hàng suất khẩutrong các quý tới từ các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc sẽ tăng trưởng mạnh.

**Chính sách tiền tệ**:

Tăng trưởng tín dụng đến ngày 21/06/2021 đạt 5,47% so với đầu năm, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng huy động vốn chỉ là 3,13% và tổng phương tiện thanh toán là 3,48%.Trong bối cảnh các thị trường tài sản như chứng khoán hay bất động sản tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ đã hút một lượng vốn lớn từ kênh tiền gửi chảy sang, cũng như hạn chế bớt dòng vốn mới chảy vào ngân hàng, ngược lại dư nợ tín dụng đã tăng trưởng khá tốt trong 4 tháng đầu năm nay dựa trên kỳ vọng nền kinh tế phục hồi trở lại, trước khi có tín hiệu tăng chậm lại khi Việt Nam bước vào đợt bùng phát dịch lần thứ 4 kéo dài từ đầu tháng 5 đến nay. Có thể thấy chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn đang ngày càng mở rộng.

1. **Thị trường chứng khoán:**

Thị trường chứng khoán Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 có bước tăng trưởng mạnh, lập kỷ lục lịch sử về điểm số, thanh khoản, số tài khoản mở mới...Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6/2021, chỉ số VN-Index đạt mức 1.408,55 điểm, tăng 6,06% so với tháng 5/2021 và tăng 27,6% so với cuối năm 2020 và tăng mạnh 112.6% so với thời điểm cuối tháng 3/2020 (thời điểm vùng đáy của thị trường). Trong khi đó, chỉ số VNAllshare đạt 1.423,95 điểm, tăng 4,25% so với tháng 05/2021 và tăng 37,92% so với cuối năm 2020; VN30 đạt 1.529 điểm, tăng 3,68% so với cuối tháng 05/2021 và tăng 42,79% so với cuối năm 2020. Căng thẳng chính trị Mỹ - Trung và đặc biệt biến cố dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam.

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 4,58 | N/A | 16,53 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,00 | N/A | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | **4,58** | **N/A** | **16,53** |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | 4,59 | N/A | 4,44 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2021** | **30/06/2020** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 110.305.485.761 | 106.012.733.310 | 4,05% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 11.023,02 | 10.539,27 | 4,59% |

Trong giai đoạn từ 30/06/2020 đến 30/06/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 4,05% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ CCQ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5.000 | 129 | 37.237,37 | 0,37% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 2 | 10.100,00 | 0,10% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,53% |
| **Tổng cộng** | **132** | **10.006.827,21** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ.

**V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Xu hướng duy trì lợi suất trong mức thấp được kỳ vọng chiếm ưu thế chủ đạo trên thị trường trái phiếu Chính phủ trong Quý 3 do những yếu tố sau:

(1) Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm, NHNN vẫn tiếp tục không có động thái trên thị trường mở khiến cho số dư trên kênh OMO và phát hành tín phiếu ở mức không. Giải ngân vốn đầu tư công vẫn không có dấu hiệu cải thiện.

(2) Nhu cầu đầu tư trái phiếu tiếp tục được duy trì khi khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong Quý 3.

Từ các phân tích thị trường, CBPF tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Lâm Hải Tuấn | Chủ tịch Công ty | Kỹ sư | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life.Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam |
| Bùi Thanh Hiệp | Phó chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam  Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam  Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN  Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam  Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam  Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam  Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam  Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam. Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.  Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018 - 2020: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông. Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge. Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.  Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Anh | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu. Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam Từ 2014 - nay: Giám sát cấp II - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE**  **Phó Chủ tịch Công ty**  **Bùi Thanh Hiệp** |